


PHỤ LỤC 5: MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t□ 12/2006/TT – BCN ngày 22/12/2006 của Bộ Công Nghiệp)

<p><b>Phiếu An Toàn Hoá Chất</b></p> <p>-----</p> <p><b>SULFUARIC ACID</b></p>	 <b>ĐG CHEMICAL</b>
<p>Số CAS : 7664 - 93 - 9</p> <p>Số UN : 1830</p> <p>Số đăng ký EC : 016 - 020 - 00 - 8</p> <p>Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có) :</p> <p>Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có) :</p>	

**PHẦN I : Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp.**

- Tên th- ờng gọi của chất : Sulfuaric acid	<p><b>Khi cần liên lạc số điện thoại:</b>  <b>Tel : 04. 38 273 831</b>  <b>0913 546 833</b>  <b>0241 - 3745 339</b></p>
- Tên th- ơng mại : Sulfuaric acid	
- Tên khác (không là tên khoa học) : Axit Sulfuaric.	
- Tên nhà cung cấp và địa chỉ : Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang Tổ 19 - Th- ơng Thanh - Long Biên - Hà Nội. VP : Lô 4, đ- ờng TS 25, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh.	

**PHẦN II : Thông tin về thành phần nguy hiểm.**

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hoá học	Hàm l- ợng(% theo trọng l- ợng)
Sulfuaric acid	7664-93-9	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	92%

**PHẦN III : Nhận dạng nguy hiểm**

<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm : Dạng nguy hiểm, chất ăn mòn , hạng 1 ăn mòn và gây phỏng rộp da.</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguy hiểm khi hít phải : Gây tức ngực khó thở, ho, rát cổ.</li> <li>- L- u ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng : Thiết bị chứa dùng bằng thép nhựa, thuỷ tinh, composit, phải kín, khi tiếp xúc phải có khẩu trang hoặc mặt nạ phòng độc, đứng đầu gió khi tiếp xúc. H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đ- ới 70% không dùng thiết bị chứa bằng thép.</li> </ul> <p>3. Các đ- ờng tiếp xúc và triệu chứng :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đ- ờng mắt : đỏ, đau, phỏng rộp.</li> <li>- Đ- ờng thở : có cảm giác rát, đau cổ họng, ho, hơi thở nặng nhọc.</li> <li>- Đ- ờng da : tấy đỏ, phỏng rộp, bỏng da nghiêm trọng.</li> <li>- Đ- ờng tiêu hoá : đau ở khoang bụng, cảm giác bỏng rát, bị sốt và suy sụp.</li> </ul> <p><b>Ảnh h- ớng cấp tính đối với sức khoẻ :</b>          Rất nguy hiểm trong tr- ờng hợp tiếp xúc da (ăn mòn, gây kích thích), tiếp xúc mắt (ăn mòn, gây kích thích), đ- ờng hô hấp. ở dạng lỏng hoặc dạng bụi mù gây ảnh h- ớng tới các cơ quan nội tạng đặc biệt là màng nhầy của mắt, miệng và bộ máy hô hấp. Tiếp xúc da có thể gây bỏng, đ- ờng hô hấp của bụi mù có thể gây kích thích bộ máy hô hấp mãnh liệt, gây ho, nghẹt thở hoặc thở ngắn, với liều l- ợng lớn có thể dẫn tới tử vong. Viêm mắt gây lên đỏ mắt, chảy n- ớc mắt, ngứa. Viêm</p>
--

## PHỤ LỤC 5: MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t□ 12/2006/TT – BCN ngày 22/12/2006 của Bộ Công Nghiệp)

da gây nên ngứa, tạo vảy, đỏ da.

Ảnh h- ưởng mãn tính đối với sức khoẻ :

Hiệu quả chất sinh ung th- : loại 1 (đã đ- ọc chứng minh với con ng- ời ) theo IARC (International Agency for Research on Cancer), + (đã đ- ọc chứng minh) theo OSHA. Loại A2 (ngghi ngờ đối với con ng- ời ) theo ACGIH.

Di truyền : Ch- a có thông tin

Quái thai : Ch- a có thông tin

Độc phát triển : Ch- a có thông tin

Sulfuaric Acid có thể đối với thận, phổi, tim, hệ tim mạch, hệ thống hô hấp, mắt, răng. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc lâu dài, Sulfuaric Acid có thể gây ảnh h- ưởng tới một số cơ quan. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc lâu dài Sulfuaric Acid dạng s- ong mù có thể gây viêm mắt mãn tính, kích thích da mãnh liệt. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc lâu dài Sulfuaric Acid dạng bụi mù có thể gây ảnh h- ưởng tới đ- ờng hô hấp (nhiễm trùng cứng phổi). Tiếp xúc mức độ cao có thể gây ảnh h- ưởng tới sức khoẻ bởi sự tích tụ lên một hoặc nhiều cơ quan của ng- ời.

### PHẦN IV : Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn.

1. Tr- ờng hợp tai nạn tiếp xúc theo đ- ờng mắt (bị văng, dây vào mắt) : rửa n- ớc, dùng khăn xấp n- ớc đắp vào, chuyển y tế dùng dung dịch NaHCO<sub>3</sub> nồng độ 0,1% rửa đến khi pH = 7 sau đó chuyển cơ sở y tế điều trị.
2. Tr- ờng hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) : Rửa n- ớc nhiều lần, sau đó dùng dung dịch NaHCO<sub>3</sub> 2,5% rửa đến khi pH = 7 sau đó chuyển cơ sở y tế kiểm tra điều trị.
3. Tr- ờng hợp tai nạn tiếp xúc theo đ- ờng hô hấp (hít thở phải hoá chất nguy hiểm dạng hơi, khí) : Chuyển nơi thoáng khí nghỉ ngơi, đặt nạn nhân t- thế nửa nằm nửa ngồi, thổi ngạt khi cần thiết, cho thở không khí giàu oxy, khí dung (dung dịch adrenalin 1/3mg, hydrocortison 1ml, natriclorua 0,9% đủ 5ml hoặc khí dung chất kích thích β - Adrenergic nh- : Sabutamol, Berodual, Corticoit). Chuyển cơ sở y tế điều trị và theo dõi.
4. Tr- ờng hợp tai nạn theo đ- ờng tiêu hoá (ăn uống, nốt nhâm hoá chất) : Không phù hợp.
5. L- u ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) : Bệnh nhân có thể sốc, hạ thân nhiệt.

### PHẦN V : Biện pháp chữa cháy.

1. Xếp loại về tính cháy : Không cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy : Khi cháy thoát ra khí độc hoặc gây dị ứng.
3. Các tác nhân gây cháy nổ : Nguy cơ cháy và nổ khi tiếp xúc với các Bazơ, các chất ôxy hoá, các chất khử hoặc n- ớc.
4. Các chất dập cháy thích hợp và h- ớng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác : không dùng n- ớc, dùng bột AEEE, bột, cát.
5. Ph- ơng tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Mũ trùm đầu, quần áo chống thấm n- ớc, ủng, găng tay cao su, mặt nạ phòng độc, thiết bị thở d- ỡng khí, tiếp cận khu vực cháy xuôi theo chiều gió.
6. Các l- u ý đặc biệt về cháy nổ (nếu có) :

### PHẦN VI : Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ : Pha loãng bằng n- ớc hoặc vật liệu khô nh- cát hoặc trung hoà bằng Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> (Sodium Căcbonat) loãng, tìm mọi biện pháp bịt kín chỗ hở.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Nhanh chóng tìm cách dùng đất cát đắp, làm bờ chặn không cho axit lan rộng, sau đó trung hoà bằng vôi hoặc Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> loãng, phun lên trên tránh hơi axit lan rộng, báo cơ quan quản lý môi tr- ờng biết để kết hợp xử lý, dung dịch sau xử lý phải thu gom xử lý tiếp tr- ớc khi thải vào môi tr- ờng.

## PHỤ LỤC 5: MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

(Ban hành kèm theo Thông t□ 12/2006/TT – BCN ngày 22/12/2006 của Bộ Công Nghiệp)

### PHẦN VII : Sử dụng và bảo quản.

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng, thao tác với hoá chất nguy hiểm : Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cá nhân, dụng cụ chuyên dùng, mặt nạ phòng độc, khẩu trang, tủ hút khi pha chế thành dung dịch công tác, ph-ong tiện cấp cứu sẵn có tại chỗ.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Thiết bị chứa nh- nhựa, thuỷ tinh, composit, phải đ- ọc đậy kín, có hệ thống xử lý sự cố. Không để lẫn với các chất có tính oxy hoá mạnh, chống va đập, rơi đổ, các biển báo cần thiết, xung quanh thiết bị, kho chứa phải có bờ chắn bằng vật liệu chịu axit để phòng khi rò rỉ chảy lan tràn không xử lý đ- ọc.

### PHẦN VIII : Kiểm soát tiếp xúc và ph-ong tiện bảo hộ cá nhân.

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết : Thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc.
2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân khi làm việc :
  - Bảo vệ mắt : dùng kính, mặt nạ, khẩu trang.
  - Bảo vệ thân thể : Mặc quần áo bảo hộ lao động.
  - Bảo vệ tay : Đi găng tay.
  - Bảo vệ chân : Đi giày hoặc ủng
3. Ph-ong tiện bảo hộ trong tr- ờng hợp xử lý sự cố : mặt nạ phòng độc quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng hoặc quần áo trùm ng- òi có d- ỡng khí...
4. Các biện pháp vệ sinh : Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hoá chất, tẩy rửa quần áo nhiễm bẩn.

### PHẦN IX : Đặc tính hoá lý.

Trạng thái vật lý : chất lỏng sánh	Điểm sôi (°C) : 340
Màu sắc : dung dịch ko màu	Điểm nóng chảy (°C) : 35
Mùi đặc tr- ng : hắc, sốc, khó chịu	Điểm bùng cháy (°C) theo ph-ong pháp xác định : không phù hợp
Áp suất hoá hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : < 0,04 Kpa(0,3mmHg)ở 25°C	Nhiệt độ tự cháy (°C) : không phù hợp
Tỷ trọng hơi (không khí=1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn 3,4	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) : không phù hợp
Độ hoà tan trong n- ớc : vô cùng, sinh nhiệt.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ d- ới (% hỗn hợp với không khí) : ko phù hợp.
Độ pH : Tính axit 0,3 (dung dịch 1N); 1,2 (dung dịch 0,1N); 2,1(dung dịch 0,01 N)	Tỷ lệ hoá hơi : hầu nh- rất chậm
K.l- ọng riêng (kg/m <sup>3</sup> ) : 1,84	Các tính chất khác (nếu có)

### PHẦN X : Tính ổn định và khả năng phản ứng.

1. Tính ổn định : Cao
2. Khả năng phản ứng :
  - Phản ứng phân huỷ và sản phẩm của phản ứng phân huỷ : ch- a có thông tin.
  - Các phản ứng nguy hiểm : (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi tr- ờng xung quanh) : ăn mòn kim loại, phản ứng với hầu hết các kim loại giải phóng SO<sub>3</sub>. Hoà tan trong n- ớc tạo thành axit loãng có tính ăn mòn, phản ứng các chất kiềm toả nhiều nhiệt.

**PHỤ LỤC 5: MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông t□ 12/2006/TT – BCN ngày 22/12/2006 của Bộ Công Nghiệp)*

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại : Các kim loại, chất kiềm.
- Phản ứng trùng hợp : ch- a có thông tin.

**PHẦN XI : Thông tin về độc tính.**

Tên thành phần	Loại ng- ỡng	Kết quả	Đ- ờng tiếp xúc	Sinh vật thử
$H_2SO_4$	LC 50	510mg/m <sup>3</sup> - 2 giờ tiếp xúc 255mg/m <sup>3</sup> - 4 giờ tiếp xúc	Hô hấp	Chuột nhà
<p>1. Các ảnh h- ờng mãn tính với ng- ời : không đ- ợc phân loại là chất gây ung th- theo OSHA, ACGIH</p> <p>2. Các ảnh h- ờng độc khác : cho vi sinh vật và môi tr- ờng</p>				

**PHẦN XII : Thông tin về sinh thái môi tr- ờng.**

1. Độc tính với sinh vật			
Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh h- ờng	Kết quả
$H_2SO_4$	Các loài	Ngay	
<p>2. Tác động trong môi tr- ờng :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ phân huỷ sinh học : ch- a có thông tin</li> <li>- Chỉ số BOD và COD : ch- a có thông tin</li> <li>- Sản phẩm của quá trình phân huỷ sinh học : ch- a có thông tin</li> <li>- Mức độ độc tính của sản phẩm phân huỷ sinh học : ch- a có thông tin</li> </ul>			

**PHẦN XIII : Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất.**

<p>1. Thông tin quy định tiêu huỷ : ch- a có thông tin</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : ch- a có thông tin</p> <p>3. Biện pháp tiêu huỷ : Dùng các chất kiềm xử lý tạo ra các muối trung hoà không độc.</p> <p>4. Sản phẩm của quá trình tiêu huỷ, biện pháp xử lý : Các muối và n- ớc không độc hại.</p>
---

**PHẦN XIV : Quy định về vận chuyển.**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đ- ờng biển	Loại nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: 13/2003/NĐ-CP 29/2005/NĐ-CP 02/2004/TT-BCN</p>	1830		8			
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA</p>						

**PHỤ LỤC 5: MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông t□ 12/2006/TT – BCN ngày 22/12/2006 của Bộ Công Nghiệp)*

**PHẦN XV : Thông tin về pháp luật.**

- |   |
|---|
| <p>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : ch- a có thông tin.<br/>2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : ch- a có thông tin</p> |
|---|

**PHẦN XVI : Thông tin khác.**

<p><b>Tỷ lệ NFPA:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sức khoẻ: 3</li><li>- Phản ứng: 1</li><li>- Dễ cháy: 0</li></ul> <p><b>Tem cảnh báo nguy hiểm:</b> <b>Chất độc! Nguy hiểm! Chất ăn mòn. Dạng lỏng và sương mù gây bông nặng. Có thể gây chết nếu nuốt hay hít phải. Nếu hít phải có thể gây tổn thương phổi.</b></p> <p><b>Tem an toàn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Không để hoá chất bắn vào mắt, da, quần áo.</li><li>- Không hít phải hơi hay sương.</li><li>- Giữ các thùng chứa luôn kín.</li><li>- Sử dụng hệ thống thông gió tốt.</li><li>- Rửa tay ngay sau khi sử dụng.</li><li>- Phải giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi đưa vào sử dụng lại.</li></ul> <p><b>Tem sơ cứu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Sau đó uống một lượng nước lớn. Trong trường hợp tiếp xúc: rửa mắt hoặc da bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Tháo bỏ hết quần áo, giày... bị hoá chất bắn vào. Nếu tiếp xúc qua đường hô hấp: chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Phải có sự chăm sóc y tế trong mọi trường hợp tiếp xúc.</li></ul> <p><b>Mục đích sử dụng:</b> sản xuất phân bón, tẩy rửa, xử lý nước thải sản xuất, muối sunfat, phèn. Thông tin sửa đổi: số lần sửa đổi: 0</p>
<p><b>Ngày tháng biên soạn phiếu : 01/01/2008</b></p>
<p><b>Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 01/04/2010.</b></p>
<p><b>Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo :</b> <b>Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang</b></p>
<p><b>L- u ý ng- ời đọc :</b> <b>Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này đ- ọc biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải đ- ọc sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn, tuy nhiên chúng tôi không thể đảm bảo cho sự an toàn một cách tuyệt đối. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Trách nhiệm của ng- ời sử dụng là phải biết áp dụng, xác định những thông tin cần thiết và sử dụng chúng thật thận trọng trong từng mục đích, quy trình sản xuất.</b></p>

PHỤ LỤC 5: MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

*(Ban hành kèm theo Thông t□12/2006/TT – BCN ngày 22/12/2006 của Bộ Công Nghiệp)*

---

HOACHATDUCGIANG.COM